

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số:02/2020/DS-ST

Ngày: 10/01/2020

*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Khôi và ông Lê Khải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Hường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 92/2019/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Dương Văn N, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

(theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2019)

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị D (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:

Ngày 11/11/2017, ông Nguyễn Văn L cho bà Hồ Thị D vay số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 11/12/2017, lãi suất thỏa thuận: Nếu bà Hồ Thị D thanh toán đúng hạn thì không tính lãi suất; Nếu bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận thì phải tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm.

Đến nay bà Hồ Thị D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và ông L đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà D không thanh toán. Vì vậy, ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông:

- Buộc bà Hồ Thị D thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm = 1,66%/tháng tính từ ngày 12/12/2017 đến ngày xét xử 10/01/2020 (là 24 tháng), cụ thể: 70.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 24 tháng = 27.888.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi bà Hồ Thị D phải thanh toán là 97.888.000 đồng. Số tiền này bà D vay để sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan gì đến chồng bà D là ông Nguyễn Ngọc C. Vì vậy, ông L yêu cầu bà D phải trả toàn bộ số nợ này.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Dương Văn N yêu cầu bà Hồ Thị D thanh toán số tiền gốc là 70.000.000 đồng và thay đổi mức lãi suất từ 20%/năm xuống còn 10%/năm = 0,83% tháng, tính từ ngày 12/12/2017 đến ngày xét xử 10/01/2020 là 24 tháng 29 ngày nhưng tính tròn là 24 tháng, cụ thể: 70.000.000 đồng x 0,83 %/ tháng x 24 tháng = 13.944.000 đồng. Tổng cộng bà D thanh toán 83.944.000 đồng, trong đó gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi 13.944.000 đồng.

Bị đơn bà Hồ Thị D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà D đến giải quyết vụ việc nhưng bà D vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà Hồ Thị D vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Hồ Thị D thanh toán 83.944.000 đồng, trong đó gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi 13.944.000 đồng.

Về án phí: Bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị D thanh toán số tiền gốc là 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/ năm, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn bà Hồ Thị D có địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nông theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Thị D vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà D vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết ông Nguyễn Ngọc C (chồng bà D) khai rằng: ông không biết việc vay mượn tiền của bà Hồ Thị D và ông Nguyễn Văn L. Bà D vay bao nhiêu tiền và sử dụng mục đích gì ông C không biết, đồng thời từ chối tham gia tố tụng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận việc vay tiền giữa ông L và bà D, ông Nguyễn Ngọc C (chồng bà D) không liên quan gì đến việc vay mượn số tiền này. Do đó không làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông C đối với ông L, việc ông C không tham gia tại phiên tòa không ảnh hưởng đến giải quyết nội dung vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn L buộc bà Hồ Thị D thanh toán số tiền gốc 70.000.000 đồng vay vào ngày 11/11/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết ông L cung cấp tại Tòa án 01 bản gốc “giấy mượn tiền” thể hiện nội dung “bà Hồ Thị D mượn tiền của ông L số tiền 70.000.000 đồng đến ngày 11/12/2017 trả. Nếu chưa trả được gốc, phải trả lãi hàng tháng”, bà D là người ký vào dưới mục người mượn (b1 50). Ông L khai rằng việc viết giấy mượn tiền do bà D viết và viết tại nhà ông L, về thời hạn thanh toán ngày 11/12/2017 trả, lãi suất thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đúng, đầy đủ thủ tục và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bà D vẫn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 02 tháng 7 năm 2019, công an xã Q cho biết bà Hồ Thị D có hộ khẩu tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông nhưng bà D đi khỏi địa phương cách đây khoảng 02 năm, hiện nay chỉ có chồng và các con bà D sinh sống tại địa phương, bà D đi đâu chính quyền địa phương không rõ, bà D không báo với chính quyền địa phương. Tại Điều a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 5 tháng 5 năm 2017 quy định:

“a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ...”

Theo “giấy mượn tiền” được viết ngày 11/11/2017 bà D có ghi địa chỉ của bà là Thôn P, xã Q. Khi bà đi khỏi địa phương bà không cung cấp địa chỉ mới cho ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy, có đủ căn cứ kết luận bà Hồ Thị D cố tình giấu địa chỉ. Tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.*

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

....

4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.*

Như vậy, ông L đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đối với bà Hồ Thị D, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà D đã từ bỏ quyền được đưa ra ý kiến, yêu cầu của mình và chứng minh cho ý kiến, yêu cầu đó, bà D phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, bà D vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông L buộc bà D thanh toán 70.000.000 đồng tiền gốc.

[2.2]. Đối với tiền lãi suất, tại đơn khởi kiện ông L yêu cầu bà D phải trả tiền lãi, tính lãi suất 20%/năm. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi tính lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 12/12/2017 cho đến ngày xét xử ngày 10/01/2020 là 24 tháng 29 ngày nhưng tính tròn là 24 tháng, tính lãi suất 10%/ năm, cụ thể: 70.000.000 đồng x 0,83% x 24 tháng = 13.944.000 đồng.

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về Lãi suất:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà D phải trả tiền lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 12/12/2017 cho đến ngày xét xử ngày 10/01/2020 là tính tròn là 24 tháng số tiền 13.944.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc bà D phải thanh toán cho ông L số tiền lãi là 13.944.000 đồng.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, buộc bà Hồ Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.197.000 đồng.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn L số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Dương Văn N nộp thay) theo biên lai số 0000868 ngày 27/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Không Lộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 274, Điều 275, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Buộc bà Hồ Thị D phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 13.944.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 83.944.000 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Hồ Thị D phải chịu số tiền 4.197.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn L số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Dương Văn N nộp thay) theo biên lai số 0000868 ngày 27/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCTHADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nhi (đã ký)